

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

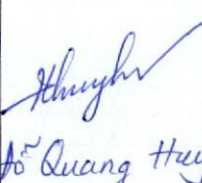
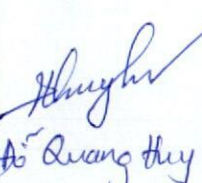
Môn học: **Vẽ thiết kế hệ thống lạnh (228278) - Nhóm 01**

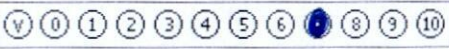
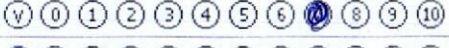
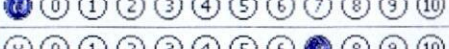
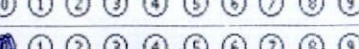
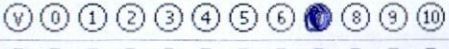
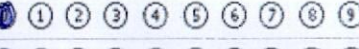
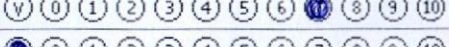
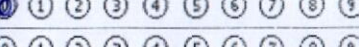
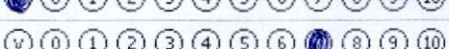
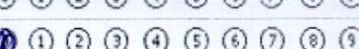
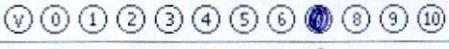
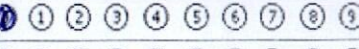
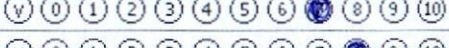
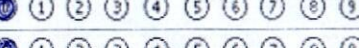
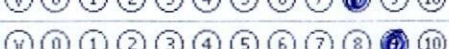
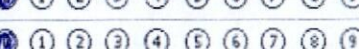
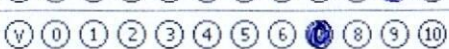
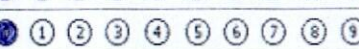
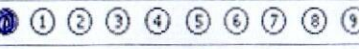
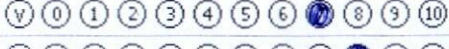
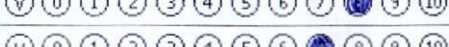
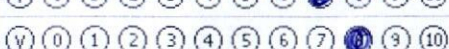
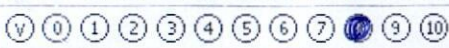
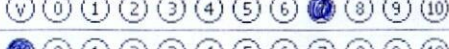
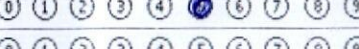
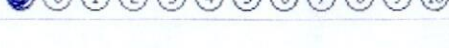
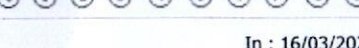
CBGD: **Trần Xuân An (280029)**

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
	 Đỗ Quang Huy		 Đỗ Quang Huy

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180001	NGUYỄN THÀNH AN	02/01/2002	CCQ2018A						7.5		
2	2120180002	HỨA THANH BÌNH	19/03/2002	CCQ2018A						7.5		
3	2120180003	TRẦN ĐỨC CHẤT	26/10/2002	CCQ2018A								
4	2120180005	HỒ TRỌNG DANH	07/10/2002	CCQ2018A						7.0		
5	2120180006	BÙI NGỌC DUY	28/02/2002	CCQ2018A						7.0		
6	2120180007	LÂM THÀNH DUY	06/05/2001	CCQ2018A								
7	2120180008	NGUYỄN HỮU ĐẠT	12/10/2002	CCQ2018A						7.0		
8	2120180009	PHẠM THÀNH ĐẠT	12/08/2002	CCQ2018A						7.0		
9	2120180010	CAO HẢI ĐĂNG	12/06/2002	CCQ2018A						8.0		
10	2120180011	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	02/09/2002	CCQ2018A						9.0		
11	2120180012	NGUYỄN VĂN HẬU	23/08/2001	CCQ2018A						7.0		
12	2120180014	BÙI TRÍ HIỆP	19/10/2000	CCQ2018A						8.0		
13	2120180013	NGUYỄN VĂN HIẾU	03/03/1997	CCQ2018A						7.5		
14	2120180016	NGUYỄN ANH MỸ	17/01/2000	CCQ2018A						8.0		
15	2120180017	HÀ HOÀI NAM	16/04/2002	CCQ2018A						7.5		
16	2120180019	TẠ TRUNG NGUYỄN	06/04/2002	CCQ2018A						8.0		
17	2120180020	NGUYỄN KHẮC NHÂM	28/09/2002	CCQ2018A						8.0		
18	2120180021	NGUYỄN XUÂN NHÂN	01/06/2002	CCQ2018A						7.5		
19	2120180022	HỒ TRUNG NHẬT	20/08/2002	CCQ2018A						7.5		
20	2120180023	VÕ ĐÌNH NIÊN	20/08/2002	CCQ2018A								

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

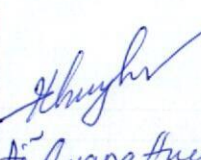
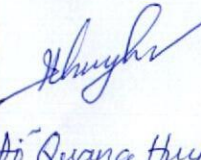
Môn học: **Vẽ thiết kế hệ thống lạnh (228278) - Nhóm 01**

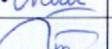
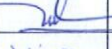
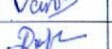
CBGD: **Trần Xuân An (280029)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
	Đỗ Quang Huy		Đỗ Quang Huy

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120180024	VÕ ĐÌNH PHONG	08/06/2002	CCQ2018A						7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120180026	NGUYỄN VĂN THẮNG	24/12/2001	CCQ2018A						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120180027	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	09/11/2002	CCQ2018A						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120180028	LÊ MINH THOẠI	07/02/2002	CCQ2018A						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120180029	HỒ TRUNG TÍN	27/08/2000	CCQ2018A						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120180030	PHẠM MINH TRÍ	08/03/2002	CCQ2018A						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120180031	LÊ ĐAN TRƯỜNG	20/01/2000	CCQ2018A						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120180032	PHẠM QUỐC TUẤN	28/01/2002	CCQ2018A						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120180033	LÊ ĐIỀN VĂN	04/03/2002	CCQ2018A						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120180034	PHAN MINH VƯƠNG	12/11/2001	CCQ2018A						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9